



BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 10/2023

 CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ

Website: [/dsvc.com.vn/](http://dsvc.com.vn/) & [/tntplaw.vn/](http://tntplaw.vn/)

Liên hệ: (+84) 93 179 8818

NHỮNG MỤC TIN CHÍNH

Những điểm nổi bật của Nghị định 91/2022/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung Nghị định về hướng dẫn Luật Quản lý thuế

- Bổ sung quy định kết thúc thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế
- Bổ sung trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế
- Thay đổi về thời hạn và số thuế tạm nộp
- Nghĩa vụ cung cấp thông tin người nộp thuế của sàn thương mại điện tử
- Xử lý trường hợp nhận thưởng, cổ tức bằng chứng khoán

Những điểm mới về Quyền sở hữu Công nghiệp tại Nghị định 65/2023/NĐ-CP

- Sự thay đổi về các mẫu đơn, tờ khai
- Thủ tục và phạm vi kiểm soát an ninh đối với sáng chế
- Thủ tục sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp
- Tách đơn, rút đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp
- Quy định về hình thức văn bằng bảo hộ
- Các thủ tục liên quan đến sáng chế mật

Phân tích Án lệ số 69/2023/AL về thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh

- Khái quát nội dung Án lệ
- Kết luận của Tòa án
- Một số vấn đề rút ra từ nội dung Án lệ

Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại: Lựa chọn Trọng tài hay Tòa án?

- Phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án
- Phương thức giải quyết tranh chấp tại Trọng tài

Những điểm nổi bật của Nghị định 91/2022/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung Nghị định về hướng dẫn Luật Quản lý thuế

Ngày 30/10/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 91/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế ("**Nghị định 91**"). Nghị định có những quy định bổ sung cụ thể như sau:

1. Bổ sung quy định kết thúc thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế

Nghị định 91 đã bổ sung Điều 6a Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế ("**Nghị định 126**") về thời hạn nộp thuế như sau:

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế 2019 và Nghị định 126.

Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.

2. Bổ sung trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế

Nghị định 91 đã bổ sung trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế đối với người khai thuế thu nhập cá nhân là tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc trường hợp khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng, quý mà trong tháng, quý đó không phát sinh việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của đối tượng nhận thu nhập. Việc bổ sung thêm trường hợp này giúp tiết kiệm thời gian và rút gọn các thủ tục hành chính không cần thiết.

3. Thay đổi về thời hạn và số thuế tạm nộp

Nghị định 91 đã sửa đổi quy định tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Điều 8 Nghị định 126 ở hai khía cạnh:

Thứ nhất, tăng số quý tính thuế tạm nộp từ 03 quý thành 04 quý;

Thứ hai, tăng mức tối thiểu của tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp từ 75% lên 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm.



Cụ thể, theo Nghị định 126 thì tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 03 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm.

Những điểm nổi bật của Nghị định 91/2022/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung Nghị định về hướng dẫn Luật Quản lý thuế

4. Nghĩa vụ cung cấp thông tin người nộp thuế của sàn thương mại điện tử

Nghị định 91 đã bổ sung khoản 8 Điều 27 của Nghị định 126 về nghĩa vụ cung cấp thông tin của các sàn thương mại điện tử đến Cơ quan thuế. Theo đó, tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam là chủ sở hữu sàn thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo quy định cho cơ quan thuế thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân có tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch thương mại điện tử bao gồm:

Tên người bán hàng;

Mã số thuế hoặc số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, địa chỉ, số điện thoại liên lạc;

Doanh thu bán hàng thông qua chức năng đặt hàng trực tuyến của sàn.

Việc cung cấp thông tin được thực hiện định kỳ hàng quý chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, bằng phương thức điện tử, qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo định dạng dữ liệu do Tổng cục Thuế công bố.

Quy định này nhằm hỗ trợ cơ quan thuế nắm bắt thông tin của cá nhân, tổ chức tiến hành hoạt động kinh doanh trên sàn thương mại điện tử, từ đó đảm bảo việc tuân thủ thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng của các tổ chức và cá nhân tham gia vào hoạt động mua bán trực tuyến.

5. Xử lý trường hợp nhận thưởng, cổ tức bằng chứng khoán

Nghị định 91 cũng quy định, trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán được ghi nhận vào tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư từ ngày 31/12/2022 trở về trước và chưa được các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký, công ty quản lý quỹ nơi cá nhân ủy thác danh mục đầu tư, tổ chức phát hành chứng khoán khai thuế thay, nộp thuế thay thì cá nhân thực hiện khai, nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân và không bị xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp hồ sơ khai thuế, không bị tính tiền chậm nộp (nếu có).

Nghị định 91 mang đến những thay đổi quan trọng để cải thiện tính minh bạch và tăng cường tuân thủ thuế. Tuy nhiên, việc thành công của nó còn phụ thuộc vào việc thúc đẩy hiểu biết và tuân thủ quy định về thuế trong cộng đồng.

Những điểm mới về Quyền sở hữu Công nghiệp tại Nghị định 65/2023/NĐ-CP

Ngày 23/08/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ ("**Nghị định 65**"). Nghị định 65 đã có hiệu lực với các điều khoản thay đổi và bổ sung cho hệ thống luật sở hữu trí tuệ, nổi bật là những điểm mới về quyền sở hữu công nghiệp. Cụ thể như sau:

1. Sự thay đổi về các mẫu đơn, tờ khai

Các mẫu tờ khai xác lập bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp như tờ khai đăng ký nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đã được thay đổi theo mẫu mới được quy định và hướng dẫn tại Phụ lục của Nghị định 65.

Ngoài ra, lần đầu tiên, mẫu "Đơn đề nghị xác nhận thủ tục đăng ký lưu hành được phẩm lần đầu bị chậm" và "Tờ khai yêu cầu đền bù do chậm cấp phép lưu hành lần đầu đối với được phẩm sản xuất theo bằng độc quyền sáng chế" được ban hành để chủ sở hữu sáng chế có thể yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đền bù vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành được phẩm được quy định tại Điều 131a Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2022.

2. Thủ tục và phạm vi kiểm soát an ninh đối với sáng chế

Thủ tục và phạm vi kiểm soát an ninh đối với sáng chế được quy định tại Điều 14 và Phụ lục VII của Nghị định 65. Các thủ tục này thiết lập quy trình nghiêm ngặt để xác định và kiểm soát các sáng chế có khả năng tác động đến quốc phòng và an ninh. Sự tham gia của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an đảm bảo quy trình đánh giá các sáng chế một cách toàn diện, bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia và ngăn chặn các công nghệ có hại. Trách nhiệm của người nộp đơn trong việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện các quy trình theo luật định phù hợp với lợi ích an ninh quốc gia. Ngoài ra, các quy định còn bảo vệ quyền nộp đơn xin cấp bằng sáng chế ra nước ngoài nếu chủ đơn có cơ sở chứng minh sáng chế xin đăng ký không phải là bí mật nhà nước.



Những điểm mới về Quyền sở hữu Công nghiệp tại Nghị định 65/2023/NĐ-CP

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp

Khoản 1 Điều 16 Nghị định 65 quy định người nộp đơn có quyền yêu cầu sửa đổi thêm một số thông tin trong đơn như tên, địa chỉ, mã nước của người nộp đơn, địa chỉ tác giả sáng chế, thiết kế bố trí...

Tuy vậy, theo Điều 16 của Nghị định 65, cần lưu ý:

Người nộp đơn có thể thực hiện quyền yêu cầu sửa đổi bằng văn bản mà không cần nộp Tờ khai sửa đổi, chỉ khi thời điểm yêu cầu là trước khi đơn được chấp nhận hợp lệ hoặc bị từ chối chấp nhận hợp lệ hoặc sửa đổi, bổ sung đơn trên cơ sở thông báo của Cục Sở hữu trí tuệ.

Trong trường hợp sửa đổi tên, địa chỉ, mã nước của người nộp đơn, tên, quốc tịch của tác giả, người nộp đơn phải nộp tài liệu xác nhận (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) hoặc tài liệu pháp lý (bản sao có chứng thực) chứng minh việc thay đổi (quyết định đổi tên, địa chỉ; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ghi nhận việc thay đổi tên, địa chỉ v.v...). Trường hợp thay đổi đại diện, người nộp đơn phải nộp tuyên bố thay đổi đại diện.

Người yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn phải nộp: (i) Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi, và (ii) Phí công bố thông tin sửa đổi, bổ sung theo quy định đối với từng trường hợp.

4. Tách đơn, rút đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp

Theo Điều 17 của Nghị định 65, người nộp đơn có quyền yêu cầu tách đơn đăng ký sở hữu công nghiệp trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra quyết định từ chối chấp nhận đơn, quyết định cấp hoặc từ chối cấp văn bằng bảo hộ. Việc tách đơn có những lưu ý sau đây:

Việc tách đơn sang một hoặc nhiều đơn mới chỉ được chấp nhận trong trường hợp: Tách một hoặc một số giải pháp kỹ thuật trong đơn đăng ký sáng chế; Tách một hoặc một số kiểu dáng công nghiệp trong đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp; Tách một phần danh mục hàng hoá, dịch vụ trong đơn đăng ký nhãn hiệu.

Đơn tách mang số đơn mới và được lấy ngày nộp đơn của đơn ban đầu hoặc (các) ngày ưu tiên của đơn ban đầu (nếu có).

Đối với mỗi đơn tách, người nộp đơn phải nộp lệ phí nộp đơn và mọi khoản phí, lệ phí cho các thủ tục được thực hiện độc lập với đơn ban đầu (ngoài các thủ tục đã được thực hiện ở đơn ban đầu mà không cần phải thực hiện lại ở đơn tách), nhưng không phải nộp phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu tiên (trừ trường hợp tách đơn kiểu dáng công nghiệp do không bảo đảm tính thống nhất).

Đơn tách được thẩm định về hình thức và tiếp tục được xử lý theo các thủ tục chưa được hoàn tất đối với đơn ban đầu. Đơn tách phải được công bố theo quy định;

Khi thực hiện thủ tục tách đơn đăng ký sở hữu công nghiệp, người nộp đơn phải nộp bản thuyết minh về đối tượng yêu cầu bảo hộ và nội dung thay đổi so với đơn ban đầu.

Điểm b2 khoản 2 Điều 17 Nghị định 65 đã bổ sung quy định về việc cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp phải ban hành thông báo dự định từ chối chấp nhận rút đơn trong trường hợp yêu cầu rút đơn không đáp ứng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 17 Nghị định 65.

Những điểm mới về Quyền sở hữu Công nghiệp tại Nghị định 65/2023/NĐ-CP

5. Quy định về hình thức văn bằng bảo hộ

Khoản 1 Điều 29 Nghị định 65 quy định văn bằng bảo hộ sẽ được cấp dưới dạng bản điện tử và bản giấy, tuy nhiên, văn bằng bảo hộ ở dạng giấy sẽ chỉ được cấp khi và chỉ khi người nộp đơn người nộp đơn đề nghị cấp bản giấy.

Quy định này cho thấy sự thay đổi đáng chú ý theo hướng cấp văn bằng bảo hộ điện tử như một phương thức mặc định cho văn bằng bảo hộ. Việc chuyển sang các định dạng điện tử phù hợp với xu hướng chuyển đổi số tại Việt Nam. Quy định vẫn cho phép chủ đơn được lựa chọn cấp văn bằng bảo hộ ở dạng giấy nhằm đáp ứng mong muốn của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng các tài liệu vật lý đó phù hợp với mục đích của họ.

6. Các thủ tục liên quan đến sáng chế mật

Nghị định 65 dành năm điều từ Điều 48-52 quy định chi tiết về sáng chế mật như sau:

Đơn đăng ký sáng chế mật phải được nộp ở dạng giấy không phải dạng điện tử;

Các tài liệu cần cung cấp, thủ tục xử lý đơn, thời hạn thẩm định nội dung đơn sáng chế mật không quá 18 tháng;

Cơ chế phối hợp với Bộ công an trong việc xác định sự phù hợp của việc bộc lộ thông tin với quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

Quy định về việc không áp dụng thủ tục khiếu nại đối với các quyết định;

Thông báo đơn đăng ký sáng chế mật và các loại đơn liên quan đến sáng chế mật.

Quy định về không công bố đơn đăng ký sáng chế mật và văn bằng bảo hộ sáng chế mật;

Quy định về việc giải mật sáng chế mật khi nộp đơn đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ.

Quy định về đăng ký sáng chế mật ở nước ngoài và quản lý sử dụng sáng chế mật.

Các quy định trong Nghị định 65 về sáng chế mật là rất quan trọng để đảm bảo an ninh quốc gia, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ với sáng chế mật, đảm bảo tính minh bạch và tạo sự cân bằng giữa đổi mới và bảo mật. Các quy định này cung cấp khuôn khổ pháp lý rõ ràng, minh bạch để quản lý hiệu quả thông tin và công nghệ nhạy cảm trong khi vẫn thúc đẩy đổi mới trong những ranh giới nhất định phù hợp với lợi ích an ninh quốc gia.

Việc ban hành Nghị định 65 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc tăng cường bảo vệ sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. Những quy định đã được thiết lập một cách chi tiết, cung cấp hướng dẫn rõ ràng cho các chủ thể liên quan, đảm bảo tính nhất quán trong áp dụng, tạo điều kiện thực thi hiệu quả, thúc đẩy đổi mới xã hội.

Phân tích Án lệ số 69/2023/AL về thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh

Thỏa thuận Bảo mật thông tin (Non-Disclosure Agreement - NDA) và Thỏa thuận Không cạnh tranh (Non-compete agreement - NCA), là một trong những dạng thỏa thuận phổ biến xuất hiện trong các quan hệ lao động hiện nay. Vấn đề về thẩm quyền giải quyết tranh chấp liên quan đến thỏa thuận trên đã được giải đáp trong Án lệ số 69/2023/AL về thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh ("**Án lệ số 69**").

1. Khái quát nội dung Án lệ

(i) Ngày 10/10/2015, Công ty TNHH R ("**Công ty R**") và bà Đỗ Thị Mai T ("**bà T**") ký kết hợp đồng lao động với thời hạn mười hai (12) tháng (từ ngày 10/10/2015 đến 31/10/2016), bà T làm việc tại Công ty R với vị trí là Trưởng bộ phận tuyển dụng.

(ii) Ngày 21/10/2015, Công ty R và bà T đã ký kết Thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh ("**NDA**"), trong đó khoản 1 Điều 3 NDA có nội dung: "*Trong quá trình cá nhân được tuyển dụng hoặc làm việc với Công ty R và trong thời gian mười hai (12) tháng dương lịch sau khi chấm dứt tuyển dụng hoặc kết thúc làm việc với Công ty R, không xét đến nguyên nhân chấm dứt tuyển dụng hoặc kết thúc làm việc, cá nhân đồng ý không, trực tiếp hoặc gián tiếp và trên toàn bộ phạm vi lãnh thổ, thực hiện công việc tương tự công việc hoặc về bản chất tương tự công việc vào bất kỳ công việc kinh doanh nào cạnh tranh với L.vn (...), đang hoặc trong tương lai sẽ cạnh tranh với công việc kinh doanh của L.vn, Công ty R và/hoặc các đơn vị liên kết và các đối tác của Công ty R*". Các Bên cũng thỏa thuận nếu xảy ra tranh chấp sẽ được giải quyết bằng phán quyết trọng tài.

(iii) Ngày 01/11/2016, Công ty R và bà T tiếp tục ký kết hợp đồng lao động có thời hạn là 12 tháng (từ ngày 01/11/2016 đến 31/10/2017) với vị trí là Trưởng bộ phận tuyển dụng.

(iv) Ngày 18/11/2016, bà T chấm dứt Hợp đồng lao động năm 2016 với Công ty R. Ngày 02/10/2017, Công ty R đã nộp đơn khởi kiện kèm theo các chứng cứ tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), theo đó yêu cầu bà T bồi thường cho Công ty R số tiền 205.197.300 đồng, bằng 03 (ba) lần tiền lương tháng liền kề trước khi bà T đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động năm 2016 do bà T đã vi phạm khoản 1 Điều 3 NDA.

(v) Ngày 19/02/2018, Hội đồng Trọng tài thuộc VIAC lập tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Phán quyết trọng tài số 75/17 HCM. Theo đó, Hội đồng trọng tài chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty R.

(vi) Không đồng ý với phán quyết của Trọng tài, ngày 22/3/2018, bà T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với yêu cầu xem xét hủy toàn bộ nội dung Phán quyết trọng tài số 75/17 HCM ngày 19/02/2018 của VIAC vì hai trong các lý do: **Thỏa thuận trọng tài vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và phán quyết của Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài.**

Phân tích Án lệ số 69/2023/AL về thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh

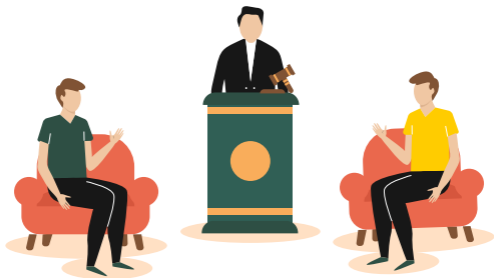
2. Kết luận của Tòa án

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định như sau:

Lý do Bà T. đưa ra “*Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài*” vì Bà T. cho rằng “*Tranh chấp về NDA là tranh chấp sẽ do Tòa án giải quyết*”. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Luật Trọng tài thương mại quy định: “*Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài: Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại*”. Công ty R là thương nhân, có đăng ký kinh doanh, có hoạt động thương mại theo Luật Trọng tài thương mại năm 2005. Do đó, thỏa thuận trọng tài thuộc thẩm quyền giải quyết của VIAC và trọng tài theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Trọng tài thương mại. Nội dung này đã được Hội đồng trọng tài kết luận tại Phiên họp ngày 19/01/2018.

Khoản 4 Điều 35 Luật Trọng tài thương mại quy định: “*Trường hợp bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Trọng tài, không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì phải nêu rõ điều đó trong bản tự bảo vệ*”. Trong khi đó, tại Bản tự bảo vệ cũng như trong suốt quá trình tố tụng trọng tài, bà T không đưa ra bất cứ phản đối nào đối với thẩm quyền của Trọng tài mà vẫn tiếp tục tố tụng trọng tài, vẫn tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp. Như vậy, bà T đã mất quyền phản đối về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài theo quy định tại Điều 13 Luật Trọng tài thương mại và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP.

Bên cạnh đó, bà T cho rằng tranh chấp giữa các bên là tranh chấp lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, vì NDA là một phần không thể tách rời của các Hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty R. Tại đoạn 11 Bản luận cứ đề ngày 18/01/2018 của Luật sư bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà T tại VIAC và tại Phiên họp cuối cùng, Luật sư của bà T đã khẳng định lại quan điểm NDA hoàn toàn độc lập với các Hợp đồng lao động giữa Công ty R và bà T.



Phân tích Án lệ số 69/2023/AL về thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong việc giải quyết tranh chấp thỏa thuận bảo mật thông tin và không cạnh tranh

Do đó, Hội đồng xét đơn xác định thỏa thuận NDA là một thỏa thuận độc lập, khi có tranh chấp thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài như sự lựa chọn của các bên từ khi ký kết.

Hội đồng xét đơn kết luận không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc hủy Phán quyết trọng tài số 75/17/HCM của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) lập ngày 19/02/2018 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Một số vấn đề rút ra từ nội dung Án lệ

Trong Án lệ trên, 02 vấn đề sau đã được giải quyết:

Về thẩm quyền của Trọng tài: Căn cứ theo các quy định của pháp luật cụ thể tại khoản 2 Điều 2 Luật Trọng tài về thẩm quyền giải quyết tranh chấp trọng tài là tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại. Công ty R là một doanh nghiệp, do vậy Trọng tài có thể giải quyết vụ việc trên. Đồng thời, do Bà T không đưa ra bất cứ phản đối nào đối với thẩm quyền của Trọng tài mà vẫn tham gia tố tụng trọng tài. Như vậy, Bà T đã mất quyền phản đối về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài. Kết luận của Tòa án về vấn đề thẩm quyền là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật về Trọng tài thương mại.

Về thỏa thuận NDA: Tòa án nhận định, tại đoạn 11 Bản luận cứ để ngày 18/01/2018 của Luật sư bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà T tại VIAC và tại Phiên họp cuối cùng, Luật sư của bà T đã khẳng định lại quan điểm NDA hoàn toàn độc lập với các Hợp đồng lao động giữa Công ty R và bà T. Do đó, Hội đồng xét đơn xác định thỏa thuận NDA là một thỏa thuận độc lập, khi có tranh chấp sẽ thuộc thẩm quyền giải quyết theo sự lựa chọn của các bên. Nhận định trên của Tòa án là phù hợp với nguyên tắc công nhận ý chí, thỏa thuận của các bên.

Trong Án lệ trên, 02 vấn đề sau đã được giải quyết:

Dựa trên nhận định của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Án lệ số 69 đã đưa ra kết luận pháp lý trong việc xác định thẩm quyền của Trọng tài thương mại trong các thỏa thuận độc lập phát sinh ngoài hợp đồng lao động: **Được lựa chọn trọng tài thương mại để giải quyết tranh chấp giữa doanh nghiệp với người lao động phát sinh từ các thỏa thuận dân sự độc lập ngoài hợp đồng lao động.**

Nếu NDA được ký kết riêng biệt với Hợp đồng lao động, NDA sẽ được coi là một thỏa thuận dân sự độc lập so với Hợp đồng lao động. Nhưng nếu NDA được ký cùng với Hợp đồng lao động thì NDA sẽ là một phần của Hợp đồng lao động đó. Do đó, các doanh nghiệp khi ký kết hợp đồng lao động cần lưu ý điểm này vì sẽ liên quan đến thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa người sử dụng lao động và người lao động nếu có phát sinh.

Khi thấy Hội đồng Trọng tài giải quyết tranh chấp không đúng thẩm quyền, cần đưa ra phản đối đối với thẩm quyền của Trọng tài tại Bản tự bảo vệ trong quá trình tố tụng trọng tài. Khi đó, Hội đồng trọng tài sẽ xem xét vấn đề thẩm quyền trọng tài, và khi Hội đồng xét đơn sẽ xem xét Đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài với lý do tranh chấp không thuộc thẩm quyền Trọng tài, Hội đồng xét đơn sẽ không cho rằng một bên từ bỏ quyền phản đối theo Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP.

Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại: Lựa chọn Trọng tài hay Tòa án?

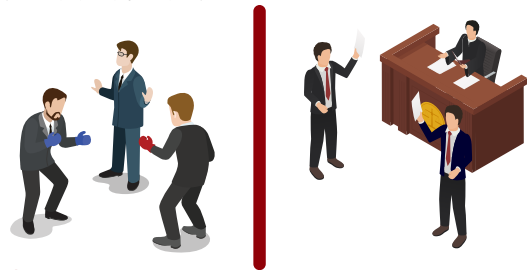
Trong những năm gần đây, tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại ngày càng gia tăng. Để giảm thiểu thiệt hại, các bên cần lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp cho phù hợp với tình hình kinh doanh, sản xuất của mình. Theo đó, khi xảy ra tranh chấp, các bên có thể lựa chọn các phương thức giải quyết sau: Thương lượng, hòa giải, Trọng tài hoặc Tòa án. Trong trường hợp thương lượng, hòa giải không thành thì các bên sẽ phải cân nhắc đến việc giải quyết tranh chấp tại cơ quan tài phán là Trọng tài hoặc Tòa án. Trong bài viết này, TNTP sẽ trình bày một số đặc điểm của hai phương thức này để các bên có thêm cơ sở để lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp.

1. Phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án

Thứ nhất, về bản chất, giải quyết tranh chấp bằng Tòa án là việc thông qua hoạt động của bộ máy tư pháp và nhân danh quyền lực nhà nước để đưa ra bản án, quyết định buộc các bên có nghĩa vụ thi hành, kể cả bằng sức mạnh cưỡng chế. Khi có tranh chấp xảy ra, một trong các bên có thể khởi kiện tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, trước khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, nguyên đơn cần xác định đúng Tòa án có thẩm quyền giải quyết, đồng thời cần xác định rõ các bên có thỏa thuận trọng tài hay không? Bởi lẽ, nếu các bên có thỏa thuận trọng tài nhưng vẫn khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án sẽ từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được.

Thứ hai, việc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án có thể được thực hiện theo nhiều cấp xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm,...). Theo đó, trường hợp không đồng ý với bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm thì mỗi bên có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Thứ ba, việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án phải được thực hiện theo nguyên tắc xét xử công khai. Trừ các trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ thì Tòa án có thể xét xử kín (Điều 15 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015).



Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại: Lựa chọn Trọng tài hay Tòa án?

2. Phương thức giải quyết tranh chấp tại Trọng tài

Thứ nhất, phương thức Trọng tài cho phép các bên giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng, đơn giản, thuận tiện, phù hợp với tâm lý của doanh nghiệp. Tuy nhiên, phí Trọng tài thường cao hơn so với án phí. Trong trường hợp hoàn trả phí trọng tài, tùy thuộc vào quy định của từng Trung tâm trọng tài mà mức phí được hoàn trả có thể không bằng mức phí hoàn trả của Tòa án.

Thứ hai, các bên tranh chấp có quyền lựa chọn cơ quan trọng tài. Nếu khởi kiện tại Tòa án thì nguyên đơn phải nộp đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đối với trường hợp giải quyết tại Trọng tài, các bên có thể thỏa thuận về trung tâm trọng tài hoặc trọng tài viên bất kỳ để giải quyết tranh chấp. Ví dụ: Các bên tranh chấp đều có trụ sở kinh doanh tại thành phố Hà Nội, do vậy để thuận tiện cho việc giải quyết tranh chấp, các bên đã thống nhất lựa chọn trung tâm trọng tài tại thành phố Hà Nội để giải quyết.

Thứ ba, về tính bảo mật thông tin: Việc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài được thực hiện theo nguyên tắc không công khai, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Do vậy, việc xét xử kín tại Trọng tài có thể giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín, hoạt động kinh doanh của các bên tranh chấp.

Thứ tư, việc xét xử tại Trọng tài thương mại chỉ diễn ra ở một cấp xét xử, phán quyết trọng tài là chung thẩm và ràng buộc các bên. Vì vậy, giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài sẽ tiết kiệm thời gian, tiền bạc cho các bên khi không phải tiếp tục giải quyết tranh chấp tại cấp phúc thẩm như tại Tòa án. Tuy nhiên, phán quyết trọng tài có thể bị hủy theo thủ tục giám đốc thẩm.

Với các nội dung như đã phân tích ở trên, tùy vào tình hình sản xuất, kinh doanh, các bên nên lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng Tòa án hoặc Trọng tài khi có tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại. Tuy nhiên, các bên cần đặc biệt lưu ý và ghi nhớ điều kiện tiên quyết để giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại là các bên phải có thỏa thuận trọng tài, đồng thời phải đảm bảo thỏa thuận này có giá trị pháp lý và có thể thực hiện được.

Trên đây là nội dung bài viết **“Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực xây dựng: Lựa chọn Trọng tài hay Tòa án”**. Hy vọng bài viết nêu trên hữu ích đối với những ai quan tâm đến vấn đề này.

Trần Trọng,

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 10/2023

CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ

Văn phòng tại Hồ Chí Minh:


Phòng 1901, Tầng 19 Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Liên hệ: (+84) 903 503 285 - (+84) 282 220 0911
Email: tra.nguyen@tntplaw.com

Văn phòng tại Hà Nội:

Số 2, Ngõ 308 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội
Liên hệ: (+84) 931 798 818
Email: ha.nguyen@tntplaw.com

Văn phòng tại Đà Nẵng:

31 Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
Liên hệ: (+84) 903 503 285
Email: tra.nguyen@tntplaw.com

 /dsdc.com.vn/ & /tntplaw.vn/

 /giaiquyettranhchaphvathuhoino/